

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ CÔNG NGHỆ D&T**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ CÔNG NGHỆ D&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D&T TECHNOLOGY AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108876628

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô NV-B67, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                        | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 4.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                       | 5210        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                 | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                           | 4102        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                     | 4211        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                      | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                          | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                               | 4222        |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                | 4223        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                 | 4229        |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                          | 4291        |
| 14. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                   | 4292        |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                             | 4293        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                        | 4299        |

|     |                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại cấm)                                                                                                                                                       | 4690 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)     | 7490 |
| 20. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                             | 3511 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                             | 4649 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4759 |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>Thiết kế cơ - điện công trình;                   | 7110 |
| 24. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                       | 0710 |
| 25. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                              | 0722 |
| 26. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                                                                                         | 0730 |
| 27. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                           | 0810 |
| 28. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                                                              | 0891 |
| 29. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                             | 0892 |
| 30. | Khai thác muối                                                                                                                                                                            | 0893 |
| 31. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                   | 0899 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                                                                                                                 | 0990 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                   | 4663 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHÙNG THỊ KIM THOA | Nhà 16 TT Chương Dương, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    | 034162004886                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Tổng số                   | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ THỊ MINH PHÚC   | P24-D1 TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 878.000    | 8.780.000.000         | 43,900    | 012931478                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         | Tổng số                   | 878.000    | 8.780.000.000         | 43,900    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>DIỆU LINH | Nhà 16 TT<br>Chương Dương,<br>Phường Chương<br>Dương, Quận<br>Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 320.000 | 3.200.000.000 | 16,000 | 0011910044<br>18 |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Tổng số                            | 320.000 | 3.200.000.000 | 16,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | PHẠM TUÂN           | Số 7 ngõ 125 Bùi<br>Xương Trạch,<br>Phường Khương<br>Đình, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 102.000 | 1.020.000.000 | 5,100  | 0370820030<br>05 |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 | Tổng số                            | 102.000 | 1.020.000.000 | 5,100  |                  |
|   |                     |                                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ĐỖ THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 13/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077018399

Ngày cấp: 12/02/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P406-D1 TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P406-D1 TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội